

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10/5/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đỡ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lạc

Ông Nguyễn Văn Dầy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2022/QĐXXST-HN ngày 13 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Trúc T**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Thới B, xã Thới T, huyện L, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Trần Phước Đ**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới B, xã Thới T, huyện L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Trúc T trình bày:

Bà và ông Trần Phước Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2006, đến năm 2008 đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Định M, huyện M, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 23/01/2008.

Quá trình chung sống gia đình cũng có một thời gian sống hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và cự cãi. Mặc dù trước đây vợ chồng có mâu thuẫn, cự cãi thì cũng có thể hàn gắn được nhưng đến năm 2016 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn do ông Đ không chung thủy, ông có mối quan hệ bất chính với người phụ khác. Mặc dù bà đã khuyên can nhiều lần nhưng ông Đ vẫn không thay đổi và ông, bà sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận

thấy không thể hàn gắn được nữa và tình cảm vợ chồng cũng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Phước Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Huỳnh Kim N (nữ), sinh ngày 21/02/2008. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Phước Đ và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà xác định không có.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Hôn nhân giữa bà T và ông Đ là do tự nguyện nên khi về chung sống ông, bà cũng có thời gian sống hạnh phúc, nhưng sau đó sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến nay bà T xác định không còn tình cảm với ông Đ và không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Đối với ông Đ, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó cho thấy ông đã mặc nhiên thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và ông cũng không mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông, bà đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Đ là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông, bà có 01 con chung tên Trần Huỳnh Kim N (nữ), sinh ngày 21/02/2008. Hiện nay bà T đang nuôi dưỡng cháu Ngân và cháu Ngân cũng có nguyện vọng sống với bà T nên tiếp tục giao cháu Ngân cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có. Tuy nhiên, do xét xử vắng mặt ông Đ nên không biết ý kiến của ông như thế nào về tài sản chung cũng như nợ chung nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Trúc T đối với ông Trần Phước Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Huỳnh Kim N (nữ), sinh ngày 21/02/2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ không ai được quyền ngăn cản. Để bảo đảm quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nhưng do xét xử vắng mặt ông Đ nên không biết ý kiến của ông như thế nào về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng, bà T phải chịu. Bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005311 ngày 03/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Giúp Đỡ